TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/DS-ST
Ngày: 27-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vòng Cảnh Mỹ Dung.

2. Ông Thái Bình Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một: Bà Lê Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tHnh phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 351/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐST–DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim N, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 53/8, Khu phố C, phường C, tHnh phố T, tỉnh Bình Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 24/5, Khu phố 2, phường P, tHnh phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1973; Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Số 183 đường C, tổ 5, khu phố 1, phường C, tHnh phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/11/2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Kim N trình bày:*

Ngày 16/9/2016 bà Trần Kim N có cho bà Phan Thị Thu H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời gian vay là 02 tháng, lãi suất các bên thoả thuận miệng là 5%/tháng, việc vay có lập tHnh giấy mượn tiền ngày 16/9/2016, khi vay bà H có để lại là tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Tuyết N. Sau đó ngày 26/01/2017 bà N có cho bà H vay thêm số tiền 25.000.000 đồng, thời gian vay là 02 tháng, lãi suất các bên thoả thuận miệng là 5%/tháng, việc vay có lập tHnh giấy mượn tiền ngày 26/01/2017. Kể từ khi vay cho đến nay bà H không trả cho bà N bất kỳ khoản tiền gốc và lãi, bà N đã nhiều lần yêu cầu bà H nhưng bà H không trả mà cố tình trốn tránh. Do quyền lợi bị xâm phạm nên bà N nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền gốc đã vay 02 lần tổng cộng là 75.000.000 đồng. Đối với tiền lãi quá trình giải quyết thì bà N có yêu cầu bà H thanh toán tiền lãi 0.83%/tháng tính từ ngày 16/11/2016 đến ngày 27/8/2019 đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng và từ ngày 26/01/2017 đến ngày 27/8/2019 đối với số tiền 25.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà N chỉ yêu cầu bà H trả tổng cộng số tiền lãi của 2 lần vay là 17.500.000 đồng.

Ngày 07/8/2019 bà Trần Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Phan Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh T, bà Nguyễn thị Tuyết N nhưng các đương sự không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản để trình bày về nội dung vụ án hay ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Tòa án giải quyết vắng mặt bà Phan Thị Thu H, ông Huỳnh Minh T, bà Nguyễn thị Tuyết N theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp Hnh đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Phan Thị Thu H có địa chỉ cư trú tại số 24/5, Khu phố 2, phường Phú Cường, tHnh phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tHnh phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Kim N yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Thu H phải trả số tiền gốc và lãi đã vay là 92.500.000 đồng. Xác định quan hệ

pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên giao kết là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Phan Thị Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh T, bà Nguyễn Thị Tuyết N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến Hnh xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Ngày 16/9/2016 bà Trần Kim N có cho bà Phan Thị Thu H vay số tiền 50.000.000 đồng, thời gian vay là 02 tháng, lãi suất các bên thoả thuận miệng là 5%/tháng, việc vay có lập tHnh giấy mượn tiền ngày 16/9/2016, khi vay bà H có để lại làm tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Tuyết N. Sau đó, ngày 26/01/2017 bà N có cho bà H vay thêm số tiền 25.000.000 đồng, thời gian vay là 02 tháng, lãi suất các bên thoả thuận miệng là 5%/tháng, việc vay có lập tHnh giấy mượn tiền ngày 26/01/2017. Quá thời hạn thanh toán theo thoả thuận giữa hai bên nhưng bà H không thanh toán tiền gốc cũng như tiền lãi cho bà N. Đến ngày 01/11/2018 bà N có gửi cho bà H thông báo đòi số tiền đã vay trong thời hạn 03 ngày nhưng bà H vẫn không trả số tiền đã vay cho bà N. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả tổng cộng số tiền gốc là 75.000.000 đồng. Việc thỏa thuận vay tiền các các bên được thể hiện tại giấy vay tiền ngày 16/9/2016 và ngày 26/01/2017 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, hợp đồng các bên giao kết là hợp đồng vay có thời hạn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại số tiền gốc đã vay là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Về tiền lãi: Theo giấy vay tiền ngày 16/9/2016 và ngày 26/01/2017 các bên không ghi nhận lãi suất, bà N cho rằng hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 5%/tháng nhưng quá trình giải quyết vụ án bà N chỉ yêu cầu tính lãi suất với số tiền 0.83%/tháng là phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLTTDS. Bà N yêu cầu tiền lãi 0.83%/tháng tính từ ngày 16/11/2016 đến ngày 27/8/2019 đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng và từ ngày 26/01/2017 đến ngày 27/8/2019 đối với số tiền 25.000.000 đồng, bà N chỉ yêu cầu bà H trả tổng cộng số tiền lãi của 2 lần vay là 17.500.000 đồng. Xét, đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng tính từ ngày 16/11/2016 đến ngày 27/8/2019, tiền lãi 0.83%/tháng là 2 năm 09 tháng 11 ngày với số tiền 13.902.000 đồng (1). Đối với số tiền gốc 25.000.000 đồng tính từ ngày 26/3/2017 đến ngày 27/8/2019, tiền lãi 0.83%/tháng là 2 năm 5 tháng 01 ngày với số tiền 6.048.000 đồng (2), tổng cộng tiền lãi (1) + (2) = 19.950.000 đồng. Tuy nhiên, bà N chỉ yêu cầu với số tiền lãi là 17.500.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Tuyết N hiện bà N đang giữ nhưng giao dịch vay tiền phát sinh giữa bà N và bà H, nên bà N có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Minh T và bà

Nguyễn Thị Tuyết N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H31432, thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33, đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là tHnh phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 20/12/2007 cho ông Đặng Hồng, cập nhật biến động ngày 11/4/2008 mang tên ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Tuyết N.

Từ những phân tích trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phan Thị Thu H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 6, Điều 8, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Kim N đối với bị đơn bà Phan Thị Thu H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản.

Bà Phan Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Kim N tổng số tiền là 92.500.000đ (chín mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng, tiền lãi là 17.500.000 đồng.

Bà Trần Kim N có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Tuyết N bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H31432, thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 33, đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là tHnh phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 20/12/2007 cho ông Đặng Hồng, cập nhật biến động ngày 11/4/2008 mang tên ông Huỳnh Minh T và bà Nguyễn Thị Tuyết N.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi Hnh án có quyền chủ động ra quyết định thi Hnh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi Hnh án xong, tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Thu H phải nộp 4.625.000đ (bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- Chi cục Thi Hnh án dân sự tHnh phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho bà Trần Kim N số tiền 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0022944 ngày 20/11/2018 của Chi cục Thi Hnh án dân sự tHnh phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Phương